**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tuần 5. Từ ngày 7/10/2024 đến ngày 11/10/2024**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Ngày** | **Môn** | | **Tiết** | **Tên bài dạy** | |
| **Hai** | **Sáng**  **7/10** | Toán | 13 | | Em ôn lại những gì đã học |
| Mĩ thuật | 5 | | Bài 3. Chơi với chấm (Tiết 1) |
| Tiếng Việt | 49 | | Bài 22. ng, ngh (Tiết 1) |
| Tiếng Việt | 50 | | Bài 22. ng, ngh (Tiết 2) |
| **Chiều** | Đạo đức | 5 | | Bài 3. Học tập, sinh hoạt đúng giờ (Tiết 1) |
| TNXH | 7 | | Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (Tiết 1) |
| HĐTN | 13 | | Sinh hoạt dưới cờ: Phát động phong trào Tìm kiếm tài năng nhí |
| **Ba** | **Sáng**  **8/10** | Tiếng Việt | | 51 | Bài 23, p, ph (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 52 | Bài 23, p, ph (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 53 | Tập viết: Sau bài 22,23 | |
| Toán | | 14 | Em ôn lại những gì đã học | |
| **Tư** | **Sáng**  **9/10** | Tiếng Việt | | 54 | Bài 24, qu, r (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 55 | Bài 24, qu, r (Tiết 2) | |
| GDTC | | 9 | Ôn ĐHĐN. Học quay phải, quay trái. Trò chơi: “Qua đường lội” | |
| Âm nhạc | | 5 | Chủ đề: Thiên nhiên (Tiết 2) | |
| HĐTN | | 14 | HĐGDTCĐ: Ai cũng có điểm đáng yêu | |
| **Năm** | **Sáng**  **10/10** | Tiếng Việt | | 56 | Bài 25. s, x (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 57 | Bài 25. s, x (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 58 | Tập viết sau bài 24, 25 | |
| Toán | | 15 | Em vui học toán | |
| TNXH | | 10 | Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (Tiết 2) | |
| **Sáu** | **Sáng**  **11/10** | Tiếng Việt | | 59 | Bài 26. Kể chuyện Kiến và bồ câu | |
| Tiếng Việt | | 60 | Bài 27. Ôn tập | |
| GDTC | | 10 | Ôn ĐHĐN. Trò chơi: “Nhảy ô tiếp sức” | |
| HĐTN | | 15 | SHL: Chia sẻ điều em học được từ chủ đề Trường Tiểu học | |

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Em ôn lại những gì đã học – Tiết 13**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10.

- Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán.

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  **Bài 1**  - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?  - HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng người và mỗi loại đồ vật có trong bức tranh. HS đếm và nói số lượng, chẳng hạn: có 8 bạn nhỏ, có 3 bạn đội mũ, có 1 chiếc bánh sinh nhật, có 6 cây nến, ... Sau đó điền vào ô trống    - HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh số lượng liên quan đến tình huống bức tranh.  **2. Hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động 1: Thực hành, luyện tập**  **Bài 2.** HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:  Quan sát hình vẽ, đếm và gọi tên 9 đồ vật trong hình.  Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật.    **Bài 3.** – Cho HS thực hiện các hoạt động sau:  Đếm số quả bóng, số kẹo, số vòng tay, số ngón tay rồi nêu số thích họp.  Quan sát hình vẽ, nhận xét: “Có 5 quả bóng, 3 quả bóng vằn đỏ, 2 quả bóng vằn xanh”. GV hướng dẫn HS nói: “5 gồm 3 và 2 hoặc 5 gồm 2 và 3”. Thực hiện tương tự với các trường hợp khác.  https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/31/giai-vo-bai-tap-toan-lop-1-bai-12-sach-canh-dieu-anh-so-6.jpg  **Bài 4.**  - HS lấy các thẻ số từ 0 đến 10: a) Tìm các thẻ ghi số bé hơn 5; b) Tìm các thẻ ghi số lớn hơn 7; c) Lấy ra các thẻ số 6, 3, 7, 2 rồi sắp xếp các thẻ số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.  https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/31/giai-vo-bai-tap-toan-lop-1-bai-12-sach-canh-dieu-anh-so-8.jpg  **3. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét , tuyên dương | - HS thực hiện  - HS thực hiện  - HS thực hiện  -Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:  - HS có thể tự đặt các yêu cầu tương tự để thực hành trong nhóm.  - HS trả lời  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**Tên bài học: Bài 3 Chơi với chấm (Tiết 1) – Tiết 5**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS. Cụ thể một số biểu hiện chủ yếu sau:

* Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.
* Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
* Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo

b. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

\* Năng lực mĩ thuật

* Nhận biết chấm xuất hiện trong cuộc sống và có trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
* Tạo được chấm bằng một số cách khác nhau; biết vận dụng chấm để tạo sản phẩm theo ý thích.
* Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

\* Năng lực chung

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự giác tham gia học tập, biết lựa chọn cách tạo chấm để thực hành.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, chia sẻ cảm nhận trong học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, họa phẩm (hoặc mực bút máy, phẩm nhuộm,…) trong thực hành sáng tạo.

\* Năng lực đặc thù khác

* Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm trong học tập.
* Năng lực thể chất: Biết vận động bàn tay, ngón tay phù hợp với các thao tác tạo thực hành sản phẩm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, đất nặn, bông tăm,…

b. Giáo viên**:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; Giấy màu, kéo, bút chì, màu goát, bông tăm; hình ảnh minh họa. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - GV giơ một số hình ảnh gần gũi quen thuộc trong tự nhiên, đời sống( cây có đóm lá hình giống các chấm, pháo hoa, tuyết rơi, con chó đốm, con cánh cam, hộp đựng bút, …)  - Nêu câu hỏi, giúp HS nhận ra chấm ở hình ảnh.  - GV chốt ý giới thiệu tựa bài.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động 1. Quan sát, nhận biết**  1.1. Tổ chức HS tìm chấm ở một số hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống:  – Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh SGK và yêu cầu HS nêu kích thước, màu sắc của các chấm trong hình trang 14. Gợi nhắc: chấm có kích thước bằng nhau/khác nhau; chấm có màu sắc giống nhau/khác nhau (SGK, trang 14).  - Hình ảnh trang 15 SGK Mĩ Thuật 1. GV có thể chuẩn bị thêm hình ảnh con cánh cam, pháo hoa, tuyết rơi,…  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm và yêu cầu các em:  + Giới thiệu tên các hình ảnh minh họa.  + Nêu hình dạng màu sắc của các chấm ở mỗi hình ảnh.  – Tóm tắt nội dung trả lời của các nhóm HS, kết hợp giới thiệu thêm thông tin về: con sao biển; con hươu sao; trang phục váy.  – Gợi mở HS quan sát lớp học để tìm chấm.  – Giới thiệu một số hình ảnh có hình chấm và gợi mở HS kể tên, đọc tên màu sắc của các chấm.  1.2. Tổ chức HS tìm chấm ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật*:*  – GV giới thiệu các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, kết hợp tương tác với HS.  + Bức tranh “ Hoa hướng dương” của bạn Đình Quang.  + Bức tranh “ Chiều chủ nhật trên đảo Grăn- đơ Da- tơ”(trích đoạn) của họa sĩ Sơ- rát (Georges Pierre Seurat). Yêu cầu HS: thảo luận, giới thiệu một số hình ảnh được tạo từ chấm.  GV giới thiệu họa sĩ Sơ- rát (1859- 1891): Là người Pháp, ông là người rất thích sử dụng chấm để sáng tạo các tác phẩm mĩ thuật.  - GV gợi mở, nêu câu hỏi giúp HS nhận ra chấm được họa sĩ sử dụng.  – Tóm tắt nội dung HS chia sẻ, kết hợp giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm và họa sĩ Sơ- rát.  – Giới thiệu thêm một số bức tranh của HS, họa sĩ.  – GV tóm tắt nội dung quan sát,  + Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện chấm.  + Có thể sử dụng các chấm để tạo các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật hoặc trang trí làm đẹp cho các đồ dùng, đồ vật theo ý thích.  GV sử dụng câu hỏi nêu vấn đề, gợi mở,.. để kích thích HS tham gia thực hành, sáng tạo.  **Hoạt động 2: Thực hành, sáng tạo**  2.1. Tìm hiểu cách tạo chấm và sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình.  \* Tổ chức HS tìm hiểu cách tạo chấm  – Hướng dẫn HS quan sát một số cách tạo chấm (trang 16, SGK) và trả lời câu hỏi trong SGK.  – Giới thiệu cách tạo chấm, kết hợp thị phạm, giảng giải và tương tác với HS.  – Gợi nhắc HS: Có thể tạo chấm bằng các cách khác nhau.  – Tổ chức HS tạo chấm và thể hiện trên vở Thực hành Mĩ thuật (trang 8).  \* Tổ chức HS tìm hiểu sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình  – Tổ chức HS quan sát và gợi mở nhận ra các chấm sắp xếp tạo nét tạo hình trong SGK trang 16 và hình ảnh do GV chuẩn bị và yêu cầu HS nhận ra cách sắp xếp  + Chấm tạo nét xoắn ốc,  + Chấm tạo nét lượn sóng,  + Nét tạo hình tròn.  – Gợi mở rõ hơn cách tạo nét, tạo hình từ chấm.  + Nét lượn sóng, nét xoắn ốc  + Hình tròn  – GV giới thiệu thêm cách tạo chấm bằng cách vẽ hoặc in các vật có hình dạng khác nhau.  2.2. Thực hành, sáng tạo  – Bố trí HS ngồi theo nhóm (6HS).  – Giao nhiệm vụ cho HS: Sử dụng chấm để tạo nét hoặc hình theo ý thích.  – Lưu ý HS: lựa chọn màu vẽ hoặc giấy màu để thực hành sử dụng chấm tạo nét hoặc hình; có thể tạo chấm có kích thước, màu sắc theo ý thích.  – Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành.  – Gợi mở nội dung HS trao đổi/thảo luận trong thực hành.  **Hoạt động 3. Cảm nhận, chia sẻ**  – Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm  – Gợi mở HS giới thiệu:  + Tên nét hoặc hình đã tạo được bằng chấm  + Màu sắc, kích thước của các chấm ở sản phẩm.  + Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.  **3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  – Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.  – Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | - HS quan sát.  - HS trả lời  - HS nhắc lại tựa bài.  – Thảo luận nhóm 6 HS.  – Thảo luận: Tìm chấm ở các hình ảnh trang 14 theo gợi mở của GV  – Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  – Quan sát lớp học, tìm chấm.  –Quan sát, đọc tên một số màu sắc của chấm trên đồ vật.  – Quan sát, trả lời câu hỏi của GV.(Sử dụng chấm để tạo hình bông hoa hướng dương trong tranh. Nhận xét câu trả lời của bạn.  – Thảo luận: nhóm 4 HS  – Đại diện nhóm HS trả lời.( Chấm được sử dụng để thể hiện tán lá cây, thảm cỏ, mặt đất, trang phục (váy, mũ, áo…), con vật, … trong bức tranh.). Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  – Quan sát, lắng nghe.  – Lắng nghe.  – Quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  – Quan sát  – Một số HS tham gia cùng GV  – Quan sát hình ảnh SGK, trang 16.  – Suy nghĩ, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV.  – Lắng nghe.  – Vị trí ngồi thực hành theo cơ cấu nhóm: 6 HS  – Tạo sản phẩm cá nhân  – Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.  – Trưng bày sản phẩm theo nhóm  – Giới thiệu sản phẩm của mình  – Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/của bạn  – Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: ng, ngh – Tiết 49 + 50**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết âm và chữ **ng, ngh;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ng, ngh.**

- Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện tiếng có **ng, ngh.**

- Nắm được quy tắc chính tả: **ngh + e, ê, i / ng + a, o, ô, ơ,...**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bi nghỉ hè.*

- Viết đúng trên bảng con các chữ **ng, ngh,** tiếng **ngà, nghé.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: 4 thẻ từ để 1 HS làm BT 4 trước lớp.

b. Học sinh: Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Giới thiệu bài:âm **ngờ** và các chữ **ng, ngh.**  - GV (chỉ chữ **ng):** Đây là chữ **ng** (tạm gọi là *ngờ đơn)* ghi âm **ngờ.** GV nói: **ngờ.**  **- GV** (chỉ chừ **ngh):** Chữ **ngh** *(ngờ kép)* cũng ghi âm **ngờ. GV: ngờ.**  **2. Hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Hoạt động. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **2.1.Âm và chữ ng**  **2.2.Âm và chữ ngh:**  - Làm tương tự với tiếng **nghé** (**nghé** là con trâu con).  **3. Luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ **ng?** Tiếng nào có chừ **ngh?)**  - GV chỉ từng từ (in đậm)  \* GV chỉ âm, từ khoá vừa học, cả lớp đánh vần và đọc trơn: *ngờ -a- nga - huyền - ngà/ngà; ngờ - e - nghe - sắc - nghé /nghé.* HS gắn lên bảng cài: **ng, ngh.**  **-** Tìm tiếng ngoài bài có âm ng, ngh?  **3.2. Quy tắc chính tả (BT 3: Ghi nhớ)**  - GV giới thiệu bảng quy tắc chính tả **ng / ngh;** hỏi: Khi nào âm **ngờ** được viết là *ngờkép?* (Khi đứng trước **e, ê, i,** âm **ngờ** được viết là **ngh -** *ngờ kép).* Khi nào âm **ngờ** được viết là *ngờ đơn?* (Khi đứng trước các âm khác **o, ô, ơ,...** âm **ngờ** được viết là ng - *ngờ đơn).*  **3.3.Tập đọc** (BT 4)  a) GV giới thiệu bài *Bi nghỉ hè:* Bài đọc kể chuyện Bi nghỉ hè ở nhà bà.  b) GV đọc mẫu | - HS (cá nhân, cả lớp): **ngờ.**  - HS: ngờ  - HS nói: ngà voi. Tiếng **ngà** có âm **ngờ. /** Phân tích: **ngờ, a,** dấu huyền = **ngà.**  - Đánh vần và đọc trơn: **ngờ - a - nga - huyền - ngà / ngà.**  - Đánh vần và đọc trơn: **ngờ - e - nghe - sắc - nghé / nghé.**  - HS đọc từng từ ngữ: *bí ngô, ngõ nhỏ, nghệ,...*  - HS đọc thầm, tự phát hiện tiếng có âm **ng,** âm **ngh** (làm bài trong VBT).  - HS báo cáo kết quả.  - Cả lớp: Tiếng (bí) **ngô** có **ng** (đơn)... Tiếng **nghệ** có **ngh** (kép),...  - HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm **ng** (ngó, ngủ, ngồi, ngơ ngác, ngóng,...); có âm **ngh** (nghe, nghề, nghi, nghĩ,...).  - Cả lớp nhìn sơ đồ 1, đánh vần: ngờ - **e** - nghe,...  - Cả lớp nhìn sơ đồ 2, đánh vần: ngờ - **a** - nga - huyền - ngà,...  - Cả lớp nhắc lại quy tắc chính tả: **ngh + e, ê, i / ng + a, o, ô, ơ,...**  - HS lắng nghe |
| **Tiết 2** | |
| **3.3 Tập đọc (BT 4) (tt) (30 phút)**  c) Luyện đọc từ ngữ:  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có 6 câu (GV đánh số TT từng câu).  - GV chỉ từng câu.  - Thi đọc đoạn, bài. (Chia bài làm 2 đoạn: mỗi đoạn 3 câu). Quy trình đã hướng dẫn  e) Tìm hiểu bài đọc  - GV gắn lên bảng lớp 4 thẻ từ; chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc  - GV ghép các vế câu trên bảng lớp.  - GV hỏi thêm: Ổ gà ở nhà bà được tả thế nào? (Ổ gà be bé). / Nhà nghé được tả thế nào? (Nhà nghé nho nhỏ). / Nghé được ăn gì? (Nghé được ăn cỏ, ăn mía).  **3.4. Tập viết** (bảng con - BT 5)  - GV vừa viết từng chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  - Chữ **ng:** ghép từ hai chữ **n** và **g.** Viết **n** trước, **g** sau.  - Chữ **ngh:** ghép từ 3 chữ **n, g** và **h.** Viết lần lượt: **n, g, h.**  - Tiếng **ngà:** viết **ng** trước, **a** sau, dấu huyền đặt trên **a.** Chú ý nối nét **ng** và **a.**  - Tiếng **nghé:** viết **ngh** trước, **e** sau, dấu sắc đặt trên **e.** Chú ý nối nét **ngh** và **e.**  - Cho HS viết vào bảng con  **4. Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - Hướng dẫn HS củng cố bài  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | **-** Hs luyện đọc từ: nghỉ hè, nhà bà, nghé, ổ gà, ngô, nho nhỏ, mía**.**  - Cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - HS thi đọc đoạn văn.  - HS đọc  - HS nối ghép các từ ngữ trong VBT.  1 HS nói kết quả.  - Cả lớp đọc: a - 2) Nghỉ hè, Bi ở nhà bà. b - 1) Nhà bà có gà, có nghé.  - HS trả lời  - Cả lớp đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  - HS lắng theo dõi,quan sát.  - HS viết: **ng, ngh** (2 lần). Sau đó viết: **ngà, nghé.**  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Đạo đức – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 3. Học tập, sinh hoạt đúng giờ (Tiết 1) – Tiết 5**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài học này, học sinh cần đạt:

- Nêu được một số biểu hiện và sinh hoạt đúng giờ.

- Giải thích được vì sao học tập, sinh hoạt đúng giờ.

- Thực hiện được các hành vi học tập và sinh hoạt đúng giờ.

\* Lồng ghép tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học: Bước đầu hình thành được một số nề nếp như: gọn gàng, ngăn nắp, học tập, sinh hoạt đúng giờ;...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Mẫu phiếu nhắc việc của GV; đồng hồ báo thức theo nhóm của HS.

b. Học sinh: Bộ giấy, keo, bút làm phiếu nhắc việc của HS.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định: GV cho HS hát.  + Em đã làm gì để góc học tập của mình ngăn nắp?  + GV cùng HS nhận xét phần chia sẻ của HS.  \* Giới thiệu bài mới: Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu bài : Học tập và sinh hoạt đúng giờ  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **a. Kể chuyện theo tranh.**  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm đôi: Xem và kể chuyện theo tranh.  - Cho HS làm việc theo nhóm đôi.  - GV yêu cầu 2 – 3 nhóm kể lại truyện theo tranh.  - GV kể lại câu chuyện.  **b. Trả lời câu hỏi**  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Thỏ hay Rùa đến lớp đúng giờ?  + Vì sao bạn đến đúng giờ?  - GV kết luận: Rùa đến lớp đúng giờ vì không la cà, chơi dọc đường đi học.  **\* Hoạt động khám phá:**  - Nêu được một số biểu hiện và sinh hoạt đúng giờ.  - Giải thích được vì sao học tập, sinh hoạt đúng giờ.  **Hoạt động 1:** Tìm hiểu biểu hiện học tập, sinh hoạt đúng giờ.  - GV treo tranh lên bảng lớp.  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm: Quan sát tranh và trả lới các câu hỏi sau:  1. Bạn trong mỗi tranh đang làm gì?  2. Việc làm lúc đó có phù hợp không?  - GV mời đại diện các nhóm lên báo cáo:  - GV dùng tranh và nêu nội dung  + H1: Tùng ngồi vẽ tranh trong giờ học Toán  + H2: Ngân đi ngủ lúc 9h tối  + H3:Chiến ngồi xem truyện tranh lúc 8h tối, Sau khi chuẩn bị sách vở cho ngày mai.  + H4: Đã 11h đêm Quân vẫn say mê xem ti vi.  - GV kết luận theo từng tranh:  + H1: Tùng ngồi vẽ tranh trong giờ học Toán. Không phù hợp  + H2: Ngân đi ngủ lúc 9h tối. Phù hợp. Vì đi ngủ đúng giờ đảm bảo sức khỏe.  + H3:Chiến ngồi xem truyện tranh lúc 8h tối, Sau khi chuẩn bị sách vở cho ngày mai.  + H4: Đã 11h đêm Quân vẫn say mê xem ti vi. Không phù hợp vì không đảm bảo sức khỏe.  ***\* GV kết luận :*** Các biểu hiện học tập và sinh hoạt đúng giờ là không làm việc riêng trong giờ học, giờ nào việc nấy, đến lớp đúng giờ, học tập, ăn ngủ, xem ti vi đúng giờ.  \* Lồng ghép tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh Tiểu học: Bước đầu hình thành được một số nề nếp như: gọn gàng, ngăn nắp, học tập, sinh hoạt đúng giờ;...  **3. Hoạt động củng cố, nối tiếp: (2 phút)**  - Xem trước phần luyện tập để tiết sau học  - Nhận xét tiết học | - Hát  - 2-3 HS lên chia sẻ  - HS nhận xét bạn  - HS nghe và nhắc lại.  - HS nhắc lại yêu cầu của bài  - HS kể chuyện theo nhóm đôi.  - Đại diện 1-2 nhóm lên kể.  - Lắng nghe  - Rùa đến đúng giờ.  - Vì bạn đã đi thẳng đến lớp, không la cà, chơi dọc đường.  - HS quan sát  - HS làm việc theo nhóm 4.  Thảo luận và trả lời câu hỏi:  - Lần lượt các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận  - HS theo dõi  Nhóm khác nhận xét bổ sung.  - HS theo dõi, nhắc lại.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tự nhiên và xã hội – Lớp 1G**

**Tên bài học: Ôn tập và đánh giá chủ đề gia đình (Tiết 1) – Tiết 9**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**a. Năng lực đặc thù**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Hệ thống được nội dung đã học về chủ đề gia đình: các thành viên trong gia đình và công việc nhà; nhà ở và an toàn khi ở nhà.

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Củng cố kĩ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày và bảo vệ ý kiến của mình.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình.

**b. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chia sẻ với bạn về bản thân và các thành viên trong gia đình, chia sẻ việc đã làm phụ giúp người thân trong gia đình.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS biết cách sắp xếp đồ dùng cá nhân hợp lí. Biết cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống khi sử dụng các đồ dùng, thiết bị trong gia đình.

-Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Biết lựa chọn việc nhà phù hợp với các thành viên trong gia đình.

**c. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Biết yêu thương, giúp đỡ mọi người trong gia đình mình.

- Chăm chỉ: Biết tập phân công việc nhà và làm việc nhà phụ giúp gia đình.

- Trung thực: Quan sát, báo cáo kết quả chính xác.

- Trách nhiệm: Có ý thức sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng ngăn nắp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các hình trong SGK; VBT TN&XH; phiếu tự đánh giá cá nhân và bút chì màu

b. Học sinh: SGK và VBT TN&XH

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 1**

**Em đã học được gì về chủ đề gia đình**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định: GV cho HS hát bài hát | - Hát |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới ( 27 phút)**  **Hoạt động khám phá.**  ***Hoạt động 1. Giới thiệu về gia đình và nhà ở của em***  \* Mục tiêu:  - Hệ thống được nội dung đã học về các thành viên trong gia đình và nhà ở.  - Trình bày được ý kiến của mình trong nhóm và trước lớp.  \* Cách tiến hành | |
| **Bước 1: Làm việc cá nhân**  - HS làm câu 1 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT )  - GV nhận xét  **Bước 2: Làm việc nhóm 6**  - GV yêu cầu từng HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về gia đình mình theo sơ đồ trang 24 ( SGK).  - GV cùng HS theo dõi, bổ sung  **Bước 3. Làm việc cả lớp**  - Mỗi nhóm cử một HS giới thiệu về gia đình mình trước lớp .  ( gợi ý tiêu chí nhận xét: chia sẻ nhiều thông tin về gia đình, nói rõ ràng, lưu loát và truyền cảm,...) | - HS làm VBT.  - HS nhận xét.  - Lần lượt đại diện các nhóm trình bày  - Các HS khác lắng nghe và có thể hỏi thêm ( nếu có )  - HS nhận xét nhóm bạn  - HS nhận xét và bình chọn những bạn giới thiệu ấn tượng về gia đình mình. |
| **Hoạt động 2. Xác định đồ dùng trong mỗi phòng và đồ dùng có thể gây nguy hiểm ở nhà.**  \* Mục tiêu:  - Liệt kê được những đồ dùng thường có ở mỗi phòng trong nhà  - Chỉ ra được những đồ dùng có thể gây đứt tay, chân; bỏng; điện giật.  \* Cách tiến hành | |
| **Bước 1 : Làm việc theo cặp**  *-* Quan sát hình trang 25( SGK), trả lời các câu hỏi:  + Những đồ dùng trong hình nên để ở phòng nào cho phù hợp ? Vì sao?  + Trong những đồ dùng đó, đồ dùng nào có thể gây đứt tay, chân; bỏng; điện giật?  + HS làm câu 2 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề *Gia đình* ( VBT)  **Bước 2. Làm việc cả lớp**  - GV mời đại diện một số HS lên chia sẻ trước lớp.  - GV cùng HS khác nhận xét phần trình bày của HS . | - HS quan sát và trả lời câu hỏi  - Lần lượt HS lên chia sẻ.  - HS tham gia đánh giá bạn.  - HS chú ý lắng nghe. |
| **3. Củng cố và nối tiếp. ( 5 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Xem và chuẩn bị cho tiết hôm sau. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1G**

**Tên bài học: TUẦN 5: AI CŨNG CÓ ĐIỂM ĐÁNG YÊU**

**Sinh hoạt dưới cờ: Phát động phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí” – Tiết 13**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết được nội dung phong trào “Tìmkiếm tài năng nhí” đối với HS lớp 1***.***

- Sẵn sàng tham gia phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí”

**\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:**

**a. Năng lực**

- Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác ; Tự chủ, tự học.

- Năng lực đặc thù:Tham gia vào các hoạt động Tìm kiếm tài năng nhí.

**b. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Đối với giáo viên: Nhắc HS mặc đúng đồng phục.

b. Đối với HS: Mặc lịch sự, sạch sẽ; đầu tóc gọn gàng. Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Phần 1. Nghi lễ (5 phút)**

- Lễ chào cờ

- Lớp trực tuần tổng kết HĐ của toàn trường trong tuần vừa qua.

- TPT Đội nhận xét HĐ Đội của nhà trường.

- BGH lên nhận xét HĐ của tuần trường trong tuần qua và nêu nhiệm vụ phương hướng tuần tới.

**Phần 2: Sinh hoạt theo chủ đề “ Phát động phong trào “ Tìm kiếm tài năng nhí” (30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Toàn trường hát tập thể bài hát: Em yêu trường em .  - Người điều khiển nêu ý nghĩa của buổi sinh họat và mục đích của HĐ.  **2. Triển khai sinh hoạt theo chủ đề “ Phát động phong trào “ Tìm kiếm tài năng nhí” (27 phút)**  **-** GV Tổng phụ trách Đội phát động phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí” đối với HS tiểu học nói chung, HS lớp 1 nói riêng. Nội dung chính tập trung vào:  - Khái quát mục đích, ý nghĩa của phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí”.  - Tìm kiếm “Tài năng” tiểu học là một hoạt động nhằm khuyến khích HS tự tin thể hiện sở thích và phát huy năng khiếu của HS trong một lĩnh vực nào đó : ca hát, múa, đọc thơ, thể thao.  - Hướng dẫn các lớp triển khai các hoạt động tìm kiếm tài năng nhí trong tiết sinh hoạt lớp.  **3. Củng cố và nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Thực hiện tốt những điều đã học | - HS hát to rõ và đồng thanh.  - HS chú ý lắng nghe và vỗ tay.  - HS lắng nghe  - HS chú ý thực hiện.  - HS chú ý lắng nghe và thực hiện.  - HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1G**

**Tên bài học: p, ph – Tiết 51 + 52**

**Thời gian thực hiện: ngày 8 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết âm và chữ cái **p, ph;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **p, ph.**

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **p,** âm **ph.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Nhà dì.*

- Biết viết đúng trên bảng con các chữ **p, ph;** các tiếng **pi a nô, phố** (cổ).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: 4 thẻ từ để 1 HS làm BT đọc hiểu trước lớp

b. Học sinh:Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  **Giới thiệu bài:** âm **và** chữ cái **p, ph**  Giới thiệu chữ **P** in hoa  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Hoạt động. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  2.1. Âm **p** và chữ **p**  - GV chỉ hình cây đàn pi a nô, hỏi: Đây là đàn gì? (Đàn pi a nô).  - GV chỉ từ **pi a nô,**  - Trong từ **pi a nô,** tiếng nào có âm **p?** (Tiếng **pi). /** Phân tích tiếng **pi.**  2.2. Âm **ph** và chừ **ph:**  - GV nêu từ khóa: phố cổ  - GV: Phố cổ là phố có nhiều nhà cổ, xây từ thời xưa.  - Cho HS phân tích, đánh vần  **3. Luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **p?** Tiếng nào có âm **ph?)**  - GV chỉ từng từ.  -GV: Chữ và âm **p** rất ít gặp, chỉ xuất hiện trong một số từ như: pí po, pin.  - Tiếng nào ngoài bài có âm ph?  \* GV chỉ các âm, từ khoá vừa học  **3.2.Tập đọc (BT 4)**  - GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Bi và gia đình đến chơi nhà dì ở phố.  - GV đọc mẫu.  - Luyện đọc từ ngữ: dì Nga, pi a nô, đi phố, ghé nhà dì, pha cà phê, phở. | - HS nói: **pờ, phờ**  - HS nhận biết: **p, i, a, n, ô.** HS (cá nhân, cả lớp): **pi a nô.**  **-** HS (cá nhân, tổ, lớp) đánh vần và đọc tiếng, đọc từ: **pờ - i - pi / pi / pi a nô.**  - HS nói lại: phố cổ.  - Phân tích tiếng **phố. /** Đánh vần và đọc tiếng: **phờ - ô - phô - sắc - phố / phố.**  - HS đọc chữ dưới hình; làm bài trong VBT, nói kết quả. Cả lớp đồng thanh: Tiếng **pa** (nô) có âm **p,** tiếng **phà** có âm **ph,...**  - HS nói tiếng ngoài bài có âm **ph** (phà, phả, pháo, phóng, phông,...).  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: pờ-i-pi/a/nờ- ô - nô / pi a nô; phờ - ô - phô - sắc - phố / cờ - ô - cô - hỏi - cổ / phố cổ.  - HS gắn lên bảng cài: **p, ph.**  - HS quan sát và lắng nghe  **-** HS đọc |
| **Tiết 2** | |
| **3.3.Tập đọc (BT 4) (tt) (15 phút)**  - Luyện đọc câu  + GV: Bài đọc có mấy câu? (6 câu).  + GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  + Thi đọc tiếp nối 2 câu / 4 câu; thi đọc cả bài.  - Tìm hiểu bài đọc  + GV gắn lên báng lớp 4 thẻ từ; chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc.  + (GV ghép giúp HS trên bảng lớp): a - 2) Nhà dì Nga có pi a nô. b -1) Cả nhà Bi đi phố, ghé nhà dì.  - GV: Ở nhả dì Nga, gia đình Bi còn được thưởng thức đồ ăn, thức uống gì? (Bố mẹ uống cà phê. Bi ăn phở. Bé Li có na).  - Cho cả lớp đọc lại nội dung 2 trang sách của bài 23  **3.4. Tập viết (bảng con - BT 4) (15 phút)**  - GV viết trên bảng.  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn.  - Chữ p: cao 4 li; viết 1 nét hất, 1 nét thẳng đứng, 1 nét móc hai đầu.  - Chữ ph: là chữ ghép từ hai chữ p và h. Viết p trước, h sau (từ p viết liền mạch sang h tạo thành.ph).  - Viết pi a nô: GV chú ý không đặt gạch nối giữa các tiếng trong những từ mượn đã được Việt hoá (không cần nói với HS điều này).  - Viết phố (cổ): viết ph trước, ô sau. Chú ý nối nét ph và ô.  - Cho HS viết vào vở  **4. Củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - HDHS củng cố bài  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - HS thực hiện  - HS nối ghép các từ ngữ trong BT 1 HS báo cáo kết quả. - Cả lớp nhắc lại kết quả.  - HS trả lời  - Cả lớp đọc lại nội dung 2 trang sách của bài 23.  - HS đọc các chữ, tiếng vừa học được.  - HS quan sát    - HS viết: **p, ph** (2 lần). Sau đó viết: **pi a nô, phố** (cổ). |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: Tập viết Sau bài 22, 23 – Tiết 53**

**Thời gian thực hiện: ngày 8 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Tô, viết đúng các chữ **ng, ngh, p, ph** và, các tiếng **ngà, nghé, pi a nô, phố cổ -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Các chữ mẫu *ng, ngh, p, ph* đặt trong khung chữ.
2. Học sinh: Vở luyện viết, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài: HS tập tô, tập viết các chữ, tiếng vừa học ở bài 22, 23**.**  2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)  **Hoạt động: Luyện viết ng, ngh, p, ph và các từ khóa**  a. GV viết trên bảng lớp: *ng, ngà, ngh, nghé, p, pi a nô, ph, phổ cổ.*  b. Tập tô, tập viết: *ng, ngà, ngh, nghé*  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *ng:* là chữ ghép từ hai chữ *n* và *g.* Viết *n* trước, *g* sau.  + Tiếng *ngà:* viết *ng* trước, *a* sau, dấu huyền đặt trên *a;* chú ý nối nét *ng* và *a.*  + Chữ *ngh:* là chữ ghép từ ba chữ *n,g và h.*  + Tiếng *nghé:* viết *ngh* trước, *e* sau, dấu sắc đặt trên e; chú ý nối nét *ngh* và *e*  - Cho HS viết vào vở Luyện viết  c. Tập tô, tập viết: *p, pi a nô, ph, phổ cổ* (như mục a)  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *p:* cao 4 li; gồm nét hất, nét thẳng đứng và nét móc hai đầu. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2 (trên), viết nét hất, dừng bút ở ĐK 3 (ưên). Từ điểm dừng của nét 1, viết nét thẳng đứng, dừng ở ĐK 3 (dưới). Từ điểm dừng của nét 2, rê bút lên gần ĐK 2 (trên), viết n ét móc hai đầu (chạm ĐK 3), dừng ở ĐK 2 (trên).  + Từ *pi a nô:* gồm 3 tiếng *pi, a, nô.*  + Chữ *ph:* là chữ ghép từ *p* và *h.* Viết *p* trước, viết *h* sau (từ *p* viết liền mạch sang *h* tạo thành *ph).*  + Tiếng *phổ,* viết *ph* trước, *ô* sau, dấu sắc đặt trên *ô.* / Tiếng *cổ:* viết *c* trước, *ô* sau, dấu hỏi trên *ô.*  - Cho HS viết vào vở Luyện viết  **3. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  **-** Nhắc nhở HS về luyện tập thêm  - Nhận xét, tuyên dương | - HS hát  - HS lắng nghe  - Hs đọc  - 1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - Hs quan sát  - HS tô, viết các chữ, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  - HS quan sát  - HS tô, viết các chữ, tiếng trên trong vở *Luyện viết 1,* tập một; hoàn thành phần *Luyện tập thêm* |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1G**

**Tên bài học: Em ôn lại những gì đã học – Tiết 13**

**Thời gian thực hiện: ngày 8 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10.

- Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán.

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (20 phút)**  **Bài 5**  - Cá nhân HS quan sát tranh, đếm từng loại hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong tranh rồi ghi kết quả vào vở.  HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: Có tất cả 4 hình vuông, 10 hình chữ nhật, 6 hình tam giác và 4 hình tròn.    **3. Vận dụng trải nghiệm (10 phút)**  **Bài 6**  - GV giới thiệu cho HS các loại hoa có 3, 4, 5, 6, 8, 10 cánh trong hình vẽ lần lượt là: hoa duyên linh, hoa mẫu đơn, hoa mai trắng, hoa dừa cạn, hoa ly, hoa bướm.  - Liên hệ thực tế với những loại hoa mà em biết  - Khuyến khích HS về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánh hoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ...    **4. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét, tuyên dương | - HS hát  - HS quan sát  - HS quan sát tranh, đếm số cánh hoa của mỗi bông hoa.  - HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả.  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lp 1**

**Tên bài học: qu r – Tiết 54 + 55**

**Thời gian thực hiện: ngày 9 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**-** Nhận biết các chữ **qu, r;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **qu, r.**

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có **qu, r.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Quà quê.*

- Biết viết các chữ, tiếng (trên bảng con): **qu, r, quả** (lê), **rổ** (cá).

\*Lồng ghép GDĐP: Chủ đề 5: Sản vật Phú Yên (Kể tên một số sản vật gắn liền với địa phương. Nêu được các món ăn làm từ một số sản vật, Thể hiện được thái độ tự hào và quý trọng các sản vật quên hương.)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: 4 thẻ từ để 1 HS làm BT đọc hiểu trước lớp.

b. Học sinh: Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Giới thiệu bài:âm và chữ **qu, r.**  - GV chỉ chữ **qu,** nói: **qu** (quờ. / Làm tương tự với **r** (rờ).  - GV giới thiệu chữ **Q, R** in hoa.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **Hoạt động. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **2.1.Âm qu và chữ qu**  - GV cho học sinh quan sát hình quả lê.  - GV: Lê là loại quả rất thơm và ngọt.  - Cho HS phân tích từ quả lê  **2.2. Âm r và chữ r:**  - Tìm từ khóa: rổ cá  - Phân tích, đánh vần  - GV chỉ các âm, từ khoá vừa học.  **3. Luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **qu?** Tiếng nào có âm **r?)**  - (Như những bài trước). Cuối cùng, GV chỉ từng chữ, cả lớp: Tiếng (cá) **quả** có âm **qu.** Tiếng **rá** có âm **r,...**  - Tìm tiếng ngoài bài có âm qu, r?  **3.2.Tập đọc** (BT 3)  a) GV giới thiệu: Bài đọc kể về những món quà quê. Quà quê là thứ quà do người nông dân tự tay nuôi, trồng, làm ra để ăn, để biếu, cho, tặng người thân. Đó là những món quà giản dị, quen thuộc nhưng bây giờ luôn là những món quà quý vì ngon, lạ và sạch sẽ, an toàn.  b)GV đọc mẫu. Sau đó, GV chỉ hình mình hoạ, giới thiệu *cá rô* (còn gọi là cá rô đồng), *cá quả -* là những loài cá rất quen thuộc với người Việt Nam. *Gà ri:* loại gà nhỏ, chân nhỏ, thấp, thịt rất thơm ngon.  **c**) Luyện đọc từ ngữ:**quà quê, Quế, rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả.** | - HS lắng nghe  - HS nhìn hình, nói: quả lê  - HS lắng nghe  - HS: Trong từ **quả lê,** tiếng **quả** có âm **quờ. /** HS (cá nhân, cả lớp) đọc: **quả.**  - Phân tích tiếng **quả:** gồm âm **qu** (quờ) và âm **a,** dấu hỏi đặt trên **a.**  - HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng: **quờ - a - qua - hỏi - quả / quả.**  - HS nói: rổ cá. Tiếng **rổ** có âm **r** (rờ). / Phân tích tiếng **rổ. /** Đánh vần và đọc tiếng: **rờ - ô - rô - hỏi - rổ / rổ.**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: quờ - a - qua - hỏi - quả / quả lê. // rờ - ô - rô - hỏi - rổ / rổ cá.  - HS tìm tiếng có âm qu, r  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có **qu** (quê, quà, quen, quỳnh,...); có **r** (ra, rể, rao, rồi, rung, rụng,...).  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |
| **Tiết 2** | |
| **3.2.Tập đọc (BT 3) (tt) (30 phút)**  **d) Luyện đọc câu**  - GV: Bài có 4 câu.  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng  - Đọc tiếp nối từng câu.  - GV sửa lỗi phát âm cho HS  **e) Thi đọc từng đoạn, cả bài**  **g) Tìm hiểu bài đọc**  - GV nêu YC, nhắc HS quan sát tranh trả lời câu hỏi  - GV nêu lại câu hỏi, cả lớp đồng thanh trả lời.  \* Cả lớp đọc lại nội dung 2 trang sách của bài 24**.**  **3.3. Tập viết** (bảng con - BT 4)  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  + Chữ qu: là chữ ghép từ q và u. Viết q: cao 4 li, 1 nét cong kín, 1 nét thẳng đứng. Viết u: 1 nét hất, 2 nét móc ngược.  + Chữ r: cao hơn 2 li một chút; là kết họp của 3 nét cơ bản: 1 nét thắng xiên, 1 nét thắt (tạo thành vòng xoắn), 1 nét móc hai đầu (đầu trái cao lên, nối liền nét thắt).  + Tiếng **quả:** viết **qu** trước, **a** sau, dấu hỏi đặt trên **a. /** Tiếng **lê:** viết **1** trước, **ê** sau.  + Tiếng **rổ:** viết **r** trước, **ô** sau, dấu hỏi đặt trên **ô. /** Tiếng **cá:** viết **c** trước, **a** sau, dấu sắc đặt trên a.  **-** Cho HS viết vào vở  **4. Củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  **-** GV nhắc HS về nhà kể cho người thân nghe tên các thứ quà quê các em vừa học.  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | - 1 HS, cả lớp.  - Cá nhân, từng cặp.  - Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (2 câu / 2 câu).  - Các cặp, tổ thi đọc cả bài. / 1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).  - HS quan sát tranh để trả lời câu hỏi.    - 1 HS nhìn hình trả lời: Bà cho nhà Quế quà là *khế, mơ, cả rô, cả quả, gà ri.*  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS nhìn bảng đọc các chữ, tiếng: *qu, r, quả lê, rô cá.*  - HS quan sát  - HS viết: qu, r (2 lần). / Viết: quả (lê), rổ (cá).  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1**

**Tên bài học: Hoạt động giáo dục theo chủ đề AI CŨNG CÓ ĐIỂM ĐÁNG YÊU – Tiết 14**

**Thời gian thực hiện: ngày 9 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. **Năng lực:**

- Mô tả được đặc điểm bên ngoài và bước đầu nêu được đặc điểm tính cách, thói quen của bản thân.

- Nêu được mỗi người đều có những đặc điểm bên ngoài và các nét tính cách riêng cần được tôn trọng.

b. **Phẩm chất:**

- Yêu thương bạn bè: Yêu quý bản thân,quan tâm, giúp đỡ, tôn trọng, đoàn kết.

- Trung thực: trong đánh giá bản thân, nhóm, bạn bè.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm yêu quý bản thân và tôn trọng đặc điểm bên ngoài, tính cách, thói quen của người khác, thể hiện cảm xúc vui vẻ, thân thiện với bạn bè xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Giáo viên:**

- Tranh ảnh/tấm bìa vẽ trang phục.

- Giấy A4, màu, bút vẽ.

- Các bức ảnh của cá nhân HS và gia đình.

- SGK Hoạt động trải nghiệm 1.

- Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 1.

**b. Học sinh**

- SGK Hoạt động trải nghiệm 1

- Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về những điểm tốt, điểm nổi trội của bản thân. | - Lắng nghe |
| *\* Cách tiến hành :*  - GV cho HS làm việc theo nhóm đôi.  - GV Y/C HS giới thiệu cho bạn nghe về một đặc điểm của bản thân mà mình cảm thấy đáng yêu nhất.  - GV cho HS lên chia sẻ trước lớp về những điểm đáng yêu của mình. | - HS chia nhóm theo bàn.  - Từng HS quay sang bạn ngồi cạnh và giới thiệu cho bạn nghe về ít nhất một đặc điểm bên ngoài hoặc tính cách, thói quen của bản thân mà mình cảm thấy đáng yêu nhất. Sau đó đổi vai  - Một vài cặp lên chia sẻ trước lớp |
| \*GV kết luận:  - Ai cũng có những điểm đáng yêu và đáng tự hào: có người đáng yêu về ngoại hình, có người đáng yêu về tính cách, thói quen. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **Hoạt động 2: Nói về những điểm đáng yêu của bạn.** | |
| ***\* Mục tiêu:***  - HS nêu được và hiểu rằng mỗi người đều có những đặc điểm bên ngoài và các nét tính cách riêng cần được tôn trọng. | |
| ***\* Cách tiến hành***  - GV cho HS thảo luận theo nhóm với nội dung : Nhớ về những đặc điểm bên ngoài và tính cách, thói quen của một người bạn mà em yêu quý (có thể trong lớp học hoặc ngoài lớp học của em) theo các gợi ý:  + Bạn của em tên là gì?  + Bạn có đặc điểm như thế nào về ngoại hình, tính cách, thói quen?  + Em yêu quý đặc điểm nào nhất của bạn? Vì sao?  - Cho HS chia sẻ trong nhóm về người bạn của mình.  - Chia sẻ trước lớp về người bạn của mình. | - Làm việc theo nhóm  - HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| *\* Kết luận:*  Mỗi người đều có những đặc điểm bên ngoài: hình dáng, nét mặt, cử chỉ riêng, không giống với người khác. Chúng ta cần yêu quý bản thân và tôn trọng sự khác biệt đó. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **3. Luyện tập, thực hành ( 12 phút)**  **Hoạt động 3: Trò chơi “ Đoán tên bạn”** | |
| ***\* Mục tiêu:***  - HS thể hiện sự yêu quý, tôn trọng đặc điểm bên ngoài, tính cách, thói quen của các bạn; thể hiện cảm xúc vui vẻ, thân thiện với bạn bè xung quanh. | |
| ***\* Cách tiến hành:***  - GV phổ biến luật chơi:  + Từng bạn lên tham gia trò chơi và quay mặt xuống lớp.  + GV ghi tên một bạn bất kì trong lớp lên bảng.  + Các bạn bên dưới sẽ gợi ý bằng cách nêu những đặc điểm bên ngoài, tính cách hoặc thói quen của bạn có tên trên bảng.  + Bạn HS lên tham gia chơi sẽ phải đoán và chỉ ra được cô giáo ghi tên trên bảng là bạn nào trong lớp.  - GV cho HS chơi trò chơi. | - HS lắng nghe để tham gia trò chơi.  - Vài lượt HS lên chơi trò chơi. |
| \* Kết luận:  - Ai cũng có những điểm đáng yêu thân và yêu quý, vui vẻ với các bạn trong lớp. |  |
| **3. Củng cố và nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những điểm nổi trội, đáng yêu của bản thân mình. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: s x – Tiết 56 + 57**

**Thời gian thực hiện: ngày 10 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các âm và chữ s, x; đánh vần, đọc đúng tiếng có s, x.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm s, âm x.

- Đọc đúng bài Tập đọc S*ẻ, quạ.*

- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **s, x, sẻ, xe** (ca).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu/ Ti vi.

b. Học sinh: VBT Tiếng Việt lớp 1, tập 1; Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Giới thiệu bài: âm và chữ s, x.  - GV chỉ chữ s, phát âm: s (sờ).  - Làm tương tự với x (xờ).  - GV giới thiệu chữ S, X in hoa.  - GV viết tên bài  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **Hoạt động. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **2.1. Âm s và chữ s:**  **-** HS nhìn hình, nói: Chim sẻ. / Đọc: **sẻ. /** Phân tích tiếng **sẻ. /** Đánh vần và đọc tiếng: **sờ - e - se - hỏi - sẻ / sẻ.**  **2.2. Âm x, chữ x:**  HS: xe ca. / Phân tích tiếng **xe. /** Đánh vần và đọc tiếng: **xờ - e - xe /xe.**  \* Củng cố: HS nói 2 chữ vừa học **(s, x);** 2 tiếng vừa học **(sẻ, xe).**  **3. Luyện tập thực hành (15 phút)**  **3.1.Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có âm s? Tiếng nào có âm x?)**  - Thực hiện như những bài trước. Cuối cùng, GV chỉ từng chữ (in đậm), cả lớp đồng thanh: Tiếng sổ có âm s. Tiếng xô có âm x,...  - Tìm tiếng ngoài bài có âm s, x  **3.2. Tập đọc** (BT 3)  a) Giới thiệu bài đọc: GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về một chú sẻ con rất sợ hãi khi nghe tiếng quạ kêu. Các em cùng đọc để biết sẻ và quạ khác nhau thế nào và vì sao nghe quạ la thì không nên sợ.  b) GV đọc mẫu: rõ ràng, chậm rãi; vừa đọc vừa chỉ hình.  c) Luyện đọc từ ngữ: **nhà sẻ, sẻ bé, ca “ri... ri...”, phía xa, nhà quạ, quạ la “quà... quà...”, sợ quá, dỗ.** | - HS đọc: s(sờ), x (xờ).  -HS nhìn hình, nói: Chim sẻ. / Đọc: **sẻ. /** Phân tích tiếng **sẻ. /** Đánh vần và đọc tiếng: **sờ - e - se - hỏi - sẻ / sẻ.**  - HS đọc: xe ca.  - HS gắn lên bảng cài: **s, x.**  **-** HS đọc  - HS thực hiện, tìm tiếng có âm s, x  - HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm **s** (sợ, sắc, sâu, sao, sen,...); có âm **x** (xa, xé, xanh, xấu,...).  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc |
| **Tiết 2** | |
| **3.2.Tập đọc (BT 3)(tt) (15 phút)**  d) Luyện đọc từng lời dưới tranh  - GV: Bài có 6 tranh. Dưới mỗi tranh 1, 2, 3, 4, 5 có 1 câu. Tranh 6 có 4 câu.  - GV chỉ từng lời cho HS đọc vỡ. Đọc liền 3 câu cuối (ở tranh 6).  - Đọc tiếp nối từng lời dưới tranh (cá nhân, từng cặp).  e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi đoạn 2 tranh); thi đọc cả bài (từng cặp, tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ hình, mời 1 HS nói kết quả: 1) sẻ ca “ri... ri...”. 2) Quạ la —quà... quà...”. /.  - GV: Thấy sẻ con sợ hãi khi nghe quạ la, sẻ bố nói với con: sẻ thì ca —ri... ri...”. Quạ thì la —quà... quà...”, không có gì phải sợ. Qua câu chuyện, các em hiểu điều gì? (Mỗi loài có tiếng nói riêng, sẻ không phải sợ tiếng kêu của quạ. / Mỗi loài có tiếng kêu, tiếng hót riêng. / Mỗi loài có đặc điểm riêng).  \* Cả lớp đọc lại bài 25; đọc cả 8 chữ vừa học trong tuần, dưới chân trang 48.  **3.3. Tập viết (bảng con - BT 4) (15 phút)**  - HS đọc các chữ, tiếng vừa học trên bảng.  - GV vừa viết (hoặc tô) chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  + Chữ s: cao hon 2 li một chút; là kết hợp của 3 nét cơ bản: 1 nét thẳng xiên, 1 nét thắt (tạo thành vòng xoắn), 1 nét cong phải.  + Chữ x: cao 2 li; viết 1 nét cong phải, 1 nét cong trái cân đối với nét cong phải. Hai nét cong chạm lưng vào nhau, tạo ra hai phần đối xứng.  + Tiếng sẻ: viết s trước, e sau, dấu hỏi đặt trên e; chú ý viết s gần e.  + Tiếng xe: viết chữ x trước, chữ e sau. Tương tự với tiếng ca.  - Cho HS viết vào vở  **4.Củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  - GV nhắc HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện *Sẻ, quạ.*  *-* Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | - HS đọc  - HS thực hiện  - HS thi đọc  - Hs nêu kết quả. Cả lớp nhắc lại.  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS đọc các chữ, tiếng vừa học trên bảng(s, x, sẻ, xe)  - HS viết: **s, x** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **sẻ, xe** (ca).  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: Tập viết Sau bài 24, 25 – Tiết 58**

**Thời gian thực hiện: ngày 10 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Tô, viết đúng các chữ **qu, r, s, x,** các tiếng **quả lê, rổ cá, sẻ, xe ca** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các chữ mẫu *qu, r, s, x,* đặt trong khung chữ.

b. Học sinh: Vở luyện viết, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài**:** GV nêu MĐYC của tiết học  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động Luyện tập**  a. GV viết trên bảng các chữ, tiếng: *qu, quả lê, r, rổ cá, s, sẻ, x, xe ca.*  b. Tập tô, tập viết: *qu, quả lê, r, rổ cá*  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *q:* viết chữ *q* cao 4 li, gồm 1 nét cong kín, 1 nét thẳng đứng. Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 3 (trên) một chút, viết nét cong kín (như chữ o). Từ điểm dừng bút, lia bút lên ĐK 3 (trên) viết nét thẳng đứng, dừng ở ĐK 3 (dưới). Đặt bút trên nét 2 của *q,* gần ĐK 1 rồi viết tiếp *u* (cao 2 li, gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược), để khoảng cách giữa *q* và *u* không xa quá hoặc gần quá.  + Tiếng *quả-.* viết *qu* trước, *a* sau, dấu hỏi đặt trên *a.* / Làm tương tự với *lê.*  + Chữ r: cao hơn 2 li; gồm 3 nét: nét thẳng xiên, nét thắt và nét móc hai đầu. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 1, viết nét thẳng xiên, phía trên nối với nét thắt, tạo vòng xoắn nhỏ (cao hơn ĐK 3 một chút). Đưa bút tiếp sang phải nối liền nét móc hai đầu (đầu móc bên trái cao lên), dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng rổ: viết *r* trước, *ô* sau, dấu hỏi đặt trên *ô.* / Làm tương tự với tiếng *cá.*  - Cho HS viết vào vở Luyện viết  c. Tập tô, tập viết: *s, sẻ, x, xe ca* (như mục b)  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Chữ s: cao hơn 2 li một chút; gồm 3 nét: nét thẳng xiên, nét thắt và nét cong phải. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 1, viết nét thẳng xiên, phía trên nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn (cao hơn ĐK 3 một chút). Đưa bút viết tiếp nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2 (gần nét thẳng xiên).  + Chữ x: cao 2 li; gồm 1 nét cong phải, 1 nét cong trái. Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 3 một chút, viết nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2. Từ điểm dừng, lia bút sang phải (dưới ĐK 3 một chút), viết tiếp nét cong trái cân đối với nét cong phải. Hai nét cong chạm lưng vào nhau.  + Tiếng *sẻ,* viết *5* trước, *e* sau, dấu hỏi đặt trên *e.*  + Tiếng *xe,* viết  *x* trước, *e* sau.  **-** Cho HS thực hiện  **3. Củng cố và nối tiếp: (2 phút)**  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp. | - Hát  - HS lắng nghe  - HS đọc trên bảng các chữ, tiếng: *qu, quả lê, r, rổ cá, s, sẻ, x, xe ca.*  - HS quan sát  -HS tô, viết: *qu, quả lê, r, rổ cá* trong vở *Luyện viết 1,* tập một  - HS thực hành tô, viết.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1**

**Tên bài học: Bài 13 Em vui học toán – Tiết 15**

**Thời gian thực hiện: ngày 10 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

- Nghe hát, vận động theo nhịp và chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.

- Làm các số em thích bằng các vật liệu địa phương, biểu diễn các số bằng nhiều cách khác nhau.

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các biển báo giao thông.

- Phát triển các NL toán học:NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Bài hát: Em tập đếm. Các vật liệu đế có thể biểu diễn số lượng, chẳng hạn: dây, đất nặn, sỏi, que tính,... Bút màu, giấy vẽ. Một số hình ảnh biển báo giao thông.

b. Học sinh: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động 1. Nghe hát, vận động theo nhịp và giơ ngón tay đúng số lượng**  a. HS nghe và vận động theo nhịp của bài hát “Em tập đếm”. HS giơ các ngón tay theo các số có trong lời bài hát.  b. HS thực hiện theo cặp; đọc số, giơ ngón tay đúng số lượng của số vừa đọc và ngược lại. Khi giơ một số ngón tay, GV yêu cầu HS phải nói đúng số lượng ngón tay vừa giơ.  **Hoạt động 2. Tạo thành các số em thích**  - Làm các số đã học (từ 0 đến 10) bằng các vật liệu khác nhau đã chuẩn bị trước. Chẳng hạn ghép số bằng các viên sỏi, nặn số bằng đất nặn hoặc dùng dây thừng để tạo số, ...  - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.  - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.  **Hoạt động 3. Thể hiện số bằng nhiều cách**  - Thể hiện các số đã học bằng nhiều cách: viết, vẽ, tô màu, ...  - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.  - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.  **Hoạt động 4. Tìm hiểu biển báo giao thông**  - Nêu hình dạng của các biển báo giao thông trong hình vẽ. GV giới thiệu cho HS: Trong hình vẽ, thứ tự từ trái qua phải là các biển báo: đường dành cho ô tô, đường dành cho người tàn tật, đường dành cho người đi bộ cắt ngang và đường cấm đi ngược chiều.  - Chia sẻ hiểu biết về các biến báo giao thông. Nhận ra biến cấm thường có màu đỏ.  **3. Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - HS nói cảm xúc sau giờ học.  - HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.  - HS nói về hoạt động nào còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì.  - GV nhận xét tiết học | - HS hát  - HS thực hiện theo nhóm  - HS thực hiện theo nhóm  - HS thực hiện theo nhóm hoặc thực hiện chung cả lớp  - HS bày tỏ cảm xúc |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tự nhiên và xã hội – Lớp 1G**

**Tên bài học: Ôn tập và đánh giá chủ đề gia đình (Tiết 2) – Tiết 10**

**Thời gian thực hiện: ngày 10 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**a. Năng lực đặc thù**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Hệ thống được nội dung đã học về chủ đề gia đình: các thành viên trong gia đình và công việc nhà; nhà ở và an toàn khi ở nhà.

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Củng cố kĩ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày và bảo vệ ý kiến của mình.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình.

**b. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chia sẻ với bạn về bản thân và các thành viên trong gia đình, chia sẻ việc đã làm phụ giúp người thân trong gia đình.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS biết cách sắp xếp đồ dùng cá nhân hợp lí. Biết cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống khi sử dụng các đồ dùng, thiết bị trong gia đình.

-Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Biết lựa chọn việc nhà phù hợp với các thành viên trong gia đình.

**c. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Biết yêu thương, giúp đỡ mọi người trong gia đình mình.

- Chăm chỉ: Biết tập phân công việc nhà và làm việc nhà phụ giúp gia đình.

- Trung thực: Quan sát, báo cáo kết quả chính xác.

- Trách nhiệm: Có ý thức sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng ngăn nắp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các hình trong SGK; VBT TN&XH; phiếu tự đánh giá cá nhân và bút chì màu

b. Học sinh: SGK và VBT TN&XH

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 2**

**Em thể hiện sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà như thế nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định | - Hát |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (27 phút)**  **Hoạt động 3. Xử lý tình huống**  \* Mục tiêu: Thể hiện sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình.  \* Cách tiến hành |  |
| **Bước 1: Làm việc theo nhóm 4**  - Nhóm lẻ: Từng cá nhân quan sát tình huống 1 ở trang 25 ( SGK), nhóm thảo luận tìm cách xử lí tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lí của nhóm  - Nhóm chẵn: Từng cá nhân quan sát tình huống 2 ở trang 25 ( SGK), nhóm thảo luận tìm cách xử lí tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lí của nhóm  **Bước 2. Làm việc cả lớp**  - GV yêu cầu đại diện nhóm lẻ và nhóm chẵn lên đóng vai thể hiện xử lí tình huống.  - GV cùng HS theo dõi, bổ sung | - HS làm VBT.  - HS nhận xét.  - Lần lượt đại diện các nhóm trình bày  - Các HS khác lắng nghe và có thể hỏi thêm ( nếu có )  - HS nhận xét nhóm bạn |
| **3. Củng cố và nối tiếp. ( 5 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Xem và chuẩn bị cho tiết hôm sau. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Kể chuyện - Lớp 1**

**Tên bài học: Kể chuyện Kiến và Bồ câu – Tiết 59**

**Thời gian thực hiện: ngày 11 tháng 10 năm 2024**

**I YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**-** Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Hãy giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Mình vì người khác, người khác sẽ vì mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu / tranh minh hoạ truyện kể phóng to

b. Học sinh: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - GV đưa lên bảng 6 tranh minh hoạ truyện *Đôi bạn* (bài 20), mời 1 HS kể chuyện theo 3-4 tranh. HS 2 nói ý nghĩa của câu chuyện.  - Giới thiệu bài  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (25 phút)**  2.1.Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện (gợi ý)  a) GV gắn lên bảng 4 tranh minh hoạ truyện; mời HS xem tranh, nói tên các nhân vật và đoán hành động các nhân vật  b) Giới thiệu câu chuyện: Hôm nay, các em sẽ được nghe kể câu chuyện Kiến và bồ câu. Kiến là con vật thế nào? Bồ câu thế nào? Các em cùng lắng nghe để biết chuyện gì đã xảy ra với kiến và bồ câu  **2.2. Khám phá và luyện tập**  a) Nghe kể chuyện: GV kể chuyện 3 lần  **Kiến và bồ câu**  (1) Hôm ấy, kiến khát nước, tìm xuống suối. Chẳng may, sóng nước trào lên, cuốn kiến đi và suýt dìm chết nó.  (2) Bồ câu bay qua nhìn thấy. Nó bèn thả xuống suối một cành lá. Kiến bò lên lá, sóng đưa lá dạt vào bờ. Nhờ vậy kiến thoát chết. Kiến rất biết ơn bồ câu.  (3) Mấy ngày sau, bồ câu đậu trên cành cây, không biết rằng có một bác thợ săn đang rình bắn nó.  (4) Kiến nhìn thấy bác thợ săn sắp bắn bồ câu, bèn chạy tới, đốt thật mạnh vào chân bác thợ săn. Bác ta giật mình, la to: “ôi! ôi!...”. Bồ câu nghe động, giật mình bay vụt đi.  Theo LÉP TÔN-XTÔI (Minh Hoà kể)  **b) Trả lời câu hỏi theo tranh**  \* Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi: *Chuyện gì xảy ra khỉ kiến xuống suối uống nước?*  - GV chỉ tranh 2, hỏi: *Nhờ đâu kiến thoát chết?*  - GV: *Kiến thoát chết, trong lòng nó rất biết ơn ai?*  - GV chỉ tranh 3: *Bác thợ săn làm gì khi nhìn thấy bồ câu?*  - GV chỉ tranh 4: *Kiến đã cứu bồ câu như thế nào?*  \*Mời HS trả lời liền các câu hỏi theo 2 tranh  - 1 HS trả lời cả 4 câu hỏi theo 4 tranh.  **c) Kể chuyện theo tranh** (không dựa vào câu hỏi)  - Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện: HS 1 chỉ tranh 1 và 2, tự kể chuyện. HS 2 kể chuyện theo tranh 3 và 4.  - Kể chuyện theo tranh bất kì: 2 - 3 HS bốc thăm kể chuyện theo 1 tranh bất kì.  - 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh  **d) Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Qua câu chuyện, các em hiểu điều gì?  GV: Câu chuyện kể về hai bạn kiến và bồ câu đã biết giúp đỡ nhau khi hoạn nạn. Câu chuyện muốn nói: cần giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn. Mình vì người khác, người khác sẽ vì mình.  - Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa của câu chuyện  **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp (5 phút)**  - Nhắc lại ý nghĩa câu chuyện  - GV khen những HS kể chuyện hay. Dặn HS về nhà kể lại cho người thân nghe câu chuyện kiến và bồ câu đã giúp đỡ nhau thế nào.  - Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC Dê con nghe lời mẹ tuần tới. | - HS kể chuyện và nêu ý nghĩa của câu chuyện  - HS nêu: kiến, bồ câu, bác thợ săn.Đoán hành động của nhân vật (bồ câu cứu kiến, bác thợ săn giương súng định bắn bồ câu,...).  - HS lắng nghe  HS trả lời  - Khi kiến xuống suối uống nước, sóng trào lên, cuốn kiến đi và suýt dìm chết nó.  - Nhờ bồ câu thả một cành lá xuống suối, kiến bò lên lá, sóng đưa lá dạt vào bờ nên kiến thoát chết.  - Kiến rất biết ơn bồ câu.  - Bác thợ săn giương súng nhắm bắn bồ câu.  - Kiến đốt vào chân bác thợ săn. Bác thợ săn giật mình, la to, bồ câu nghe động, bay vụt đi.  - HS kể chuyện theo tranh  - 1 HS trả lời  - HS kể chuyện theo tranh  - Bồ câu giúp kiến khi kiến gặp nạn. Kiến rất biết ơn bồ câu. Sau đó, kiến đã cứu bồ câu thoát chết.  - HS lắng nghe  - HS bình chọn  - HS nhắc  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: Ôn tập – Tiết 60**

**Thời gian bài học: ngày 11 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng bài tập đọc *Ở nhà bà.*

- Điền đúng chữ **ng** hay **ngh** vào chỗ trống.

- Tập chép đúng chính tả câu văn (chữ cỡ nhỡ).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu/ Ti vi

b. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt 1*,* tập một

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  **-** Giới thiệu bài:GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Luyện tập (25 phút)**  **2.1. BT 1 (Tập đọc)**  a) GV chỉ tranh, giới thiệu: Bài *Ở nhà bà* kể về suy nghĩ của Bi khi nghỉ hè ở nhà bà. (Chỉ hình Bi đứng bên cửa sổ nhà bà ở quê, nghĩ về cảnh gia đình đầm ấm có cả bà, cả bố mẹ và bé Li).  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **quê, nghỉ hè, nhà bà, xa nhà, giá, ra phố, đỡ nhớ.**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 4 câu.  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - GV nhắc HS: Câu 4 dài, cần nghỉ hơi đúng sau các dấu phẩy.  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 2 câu); thi đọc cả bài. (Quy trình như các bài trước).  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì?  2.2. BT 2 (Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh?)**  - GV viết bảng các chữ cần điền; nêu YC; giới thiệu mẫu: (mèo) **ngó.**  - HS làm bài trên VBT.  (Chữa bài)**.** GV chốt lại đáp án. Cả lớp đọc lại kết quả. Sửa bài (nếu làm sai).  2.3. BT 3 (Tập chép)  - GV giới thiệu bài tập chính tả mới: bài tập chép. Nêu YC, mời cả lớp nhìn bảng đọc to, rõ câu văn cần chép.  - Cho HS đọc thầm bài văn  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.  **3. Củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  - HDHS củng cố bài  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài sau | - HS lắng nghe  - HS theo dõi, quan sát  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc  - HS thực hiện  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - HS thực hiện  - HS phát biểu. GV: Bi rất yêu bà, yêu bố mẹ. Bi muốn sống cùng cả bà, cả bố mẹ, gia đình luôn bên nhau.  -1 HS nhắc lại quy tắc chính tả **ng / ngh.**  - HS thực hiện  - 1 HS làm bài trên bảng lớp, đọc kết quả: 1) ***ngủ.*** 2) ***nghỉ.*** 3) **ngã.**  **-** HS thực hiện  - HS đọc thầm câu văn, chú ý những từ các em dễ viết sai (VD: *phố, nhớ, quê).*  - HS nhìn mẫu, chép câu văn vào vở hoặc VBT - cỡ chữ vừa.  - HS viết xong, tự rà soát lỗi; đổi bài với bạn, sửa lỗi cho nhau  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**GDTC –lớp 1**

**BÀI: 10 ÔN ĐHĐN**

**TRÒ CHƠI: “NHẢY Ô TIẾP SỨC”- Số Tiết 10**

**Thời gian thực hiện: ngày 11 tháng 10 năm 2024**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1.Về phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

**2. Về năng lực**:

**2.1. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện các động tác quay trái, quay phải, quay sau trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh, cách thực hiện các động tác quay trái, quay phải, quay sau đúng hướng.

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được các động tác quay trái, quay phải, quay sau.

**II. Địa điểm – phương tiện**

**- Địa điểm**: Sân trường

**- Phương tiện:**

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “ chuyển bóng tiếp sức”  **II. Phần cơ bản:**  **Hoạt động 1**  **\* Kiến thức.**  - Động tác quay trái  quay trái  - Động tác quay phải  quay phải  \***Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Thi đua giữa các tổ  \* Trò chơi “Qua đường lội ”.  **Hoạt động 2**  \***Kiến thức**  Ôn quay trái, quay phải.  \***Luyện tập**  **III.Kết thúc**  \* Thả lỏng cơ toàn thân.  \* Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS tự ôn ở nhà  \* Xuống lớp | 5 – 7’  2 x 8 N  16-18’  4 lần  4 lần  3-5’  4- 5’ | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - Gv HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  Cho HS quan sát tranh  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi.  - Cho HS chơi thử và chơi chính thức.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  Nhắc lại kĩ thuật, cách thực hiện động tác quay trái, quay phải.  Tổ chức giảng dạy như hoạt động 1  Nhắc lại kĩ thuật, cách thực hiện động tác quay trái, quay phải.  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN ôn bài đã học và chuẩn bị bài sau. | Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.  HS chơi trò chơi  - Đội hình HS quan sát tranh  HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  ***ĐH tập luyện theo tổ***  GV  -ĐH tập luyện theo cặp đôi  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  HS thực hiện thả lỏng  - ***ĐH kết thúc*** |

**IV.Điều chỉnh sau bài dạy: ……………………**

**HĐTN – Lớp 1**

**Tên bài học: Sinh hoạt lớp Trình diễn tài năng của em – Tiết 15**

**Thời gian thực hiện: ngày 11 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT** Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu nhận biết và thể hiện được khả năng của mình trước các bạn.

- Vui vẻ, tự tin tham gia và ủng hộ các bạn khác tham gia cuộc thi

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định: 4phút**  Hát  **2. Các bước sinh hoạt: 15 phút**  ***2.1. Nhận xét trong tuần 5***  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 6***  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Trình diễn “Tài năng của em.***  *a. Chuẩn bị cho cuộc thi “Tìm kiếm tài năng nhí”.*  - Khách mời: Đại biểu Ban đại diện cha mẹ HS của lớp.  - Chuẩn bị một số món quà nhỏ để tặng cho HS (bút, vở, truyện).  - GV phổ biến chi tiết, cụ thể nội dung kế hoạch, ý nghĩa và mục đích tổ chức tìm kiếm tài năng nhí.  - Tổ chức cho HS chia sẻ và đăng kí trình diễn tài năng của mình theo tổ/ nhóm.  + Em sẽ đăng kí trình diễn nội dung (tài năng) gì?  +Giới thiệu các bạn có tài năng tham gia trình diễn tài năng.  - Ban đại diện cha mẹ HS và GV đi tới các nhóm cùng trao đổi, động viên các  em đăng kí tham gia.  - Cho đại diện các tổ/nhóm HS công bố danh sách các bạn đăng kí tham gia.  - GV thành lập Ban Giám khảo tìm kiếm tài năng của lớp.  - Công bố danh sách các HS đăng kí tham gia thi tìm kiếm tài năng nhí của lớp.  - Công bố danh sách Ban giám khảo thi bao gồm GV chủ nhiệm, đại diện Ban  đại diện cha mẹ HS, đại diện HS của lớp.  *b. Thi tìm kiếm tài năng nhí.*  - Trên cơ sở danh sách đăng kí của lớp, Ban tổ chức cuộc thi hướng dẫn các HSlên trình diễn tài năng trước lớp.  - Ban giám khảo đánh giá các phần thi của các thí sinh, tổng hợp kết quả và công bố trước lớp.  - Đại diện Ban đại diện cha mẹ HS trao tặng quà cho các HS tham gia cuộc thi“Tìm kiếm tài năng nhí”.  - GV động viên, khen ngợi các HS đã tham gia cuộc thi.  - Nhắc nhở các em tiếp tục luyện tập nâng cao năng khiếu của bản thân.)  **3. Củng cố và nối tiếp: 1 phút**  - Nhận xét tiết học | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS luyện tập và tự chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện cho của mình.  - HS theo dõi  - HS đăng kí tiết mục của cá nhân/nhóm  - Đại diện các tổ/nhóm HS công bố danh sách các bạn đăng kí tham gia cuộc thicùng với nội dung thi trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS theo dõi  - Lần lượt các cá nhân, nhóm lên trình diễn.  - Các nhóm lên nhận phần quà của mình.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**